

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 21/03/2021

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Thái Hoàng Anh	Nam	29/09/1988	Bulgari	7.7	6.5	1046/QĐ122/2021	TH001068	
2	Phạm Thị Huyền Anh	Nữ	03/12/1989	Nghệ An	7.0	8.0	1047/QĐ122/2021	TH001069	
3	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	17/12/1997	Nghệ An	6.3	6.5	1048/QĐ122/2021	TH001070	
4	Cao Thị Lan Anh	Nữ	06/07/1996	Nghệ An	6.3	7.5	1049/QĐ122/2021	TH001071	
5	Trần Văn Bằng	Nam	23/09/1994	Nghệ An	7.3	5.0	1050/QĐ122/2021	TH001072	
6	Võ Trọng Hạnh	Nam	20/09/1990	Nghệ An	8.3	8.5	1051/QĐ122/2021	TH001073	
7	Hà Duy Hoàng	Nam	11/10/1995	Nghệ An	5.3	5.0	1052/QĐ122/2021	TH001074	
8	Nguyễn Tiến Hùng	Nam	24/07/1992	Nghệ An	5.7	6.5	1053/QĐ122/2021	TH001075	
9	Trần Thị Hường	Nữ	01/04/1997	Nghệ An	7.0	9.0	1054/QĐ122/2021	TH001076	
10	Nguyễn Đình Huy	Nam	23/05/1992	Nghệ An	7.3	8.5	1055/QĐ122/2021	TH001077	
11	Phạm Trường Linh	Nam	14/08/1994	Nghệ An	7.0	7.0	1056/QĐ122/2021	TH001078	
12	Trịnh Thị Như Mai	Nữ	05/01/1997	Thanh Hóa	7.7	8.0	1057/QĐ122/2021	TH001079	
13	Nguyễn Thị Mai	Nữ	28/08/1986	Hải Dương	7.3	7.5	1058/QĐ122/2021	TH001080	
14	Nguyễn Văn Nam	Nam	19/05/1997	Nghệ An	6.3	5.5	1059/QĐ122/2021	TH001081	
15	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	08/10/1990	Nghệ An	7.0	8.0	1060/QĐ122/2021	TH001082	
16	Trần Thị Hương Sen	Nữ	30/05/1992	Nghệ An	7.3	9.0	1061/QĐ122/2021	TH001083	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
17	Cao Thị Phương Thảo	Nữ	24/08/1998	Nghệ An	6.0	6.5	1062/QĐ122/2021	TH001084	
18	Bùi Phương Thảo	Nữ	30/08/1991	Nghệ An	5.3	7.0	1063/QĐ122/2021	TH001085	
19	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	03/08/1998	Nghệ An	7.3	9.5	1064/QĐ122/2021	TH001086	
20	Thái Thị Thúy	Nữ	13/04/1996	Nghệ An	7.3	8.5	1065/QĐ122/2021	TH001087	
21	Vi Thị Tinh	Nữ	18/02/1997	Nghệ An	7.0	9.5	1066/QĐ122/2021	TH001088	
22	Hoàng Thị Quỳnh Trang	Nữ	14/10/1998	Nghệ An	7.3	8.0	1067/QĐ122/2021	TH001089	
23	Lý Bá Tria	Nam	02/09/1997	Nghệ An	6.3	6.5	1068/QĐ122/2021	TH001090	
24	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	10/09/1982	Nghệ An	6.3	7.0	1069/QĐ122/2021	TH001091	
25	Nguyễn Thị Vinh	Nữ	10/07/1987	Nghệ An	7.3	6.0	1070/QĐ122/2021	TH001092	
26	Dương Thị Yên	Nữ	01/05/1993	Quảng Bình	7.0	7.5	1071/QĐ122/2021	TH001093	

